

Bản án số: 411/2019/DS-ST

Ngày: 25-9-2019

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ M**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trương Lê Diễm Thúy.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Bình

2. Bà Nguyễn Thị Lương

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Đài Trang – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình – Thành phố Hồ Chí M.

***Đại diện viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí M tham gia phiên tòa:*** Bà Trần Ngọc Ánh – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2019 tại Tòa án nhân dân quận Tân Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 268/2019/TLST-DS ngày 14 tháng 5 năm 2019 về: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 131/2019/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Hồ Thị N, sinh năm 1968; địa chỉ thường trú: Xã H, huyện T, tỉnh T1; tạm trú: Phường X, quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:* Ông Bùi Xuân T2, sinh năm 1985; địa chỉ: đường P, Phường X, quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền (theo văn bản ủy quyền ngày 15/3/2019. (Ông T2 có mặt).

- *Bị đơn:* 1/ Ông Nguyễn Xuân M, sinh năm 1975;

2/ Bà Lương Thị H1, sinh năm 1984;

Ông M và bà H1 cùng địa chỉ thường trú: Phường X, quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh (Ông M, bà H1 vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện nộp tại Tòa án ngày 22/3/2019, các bản tự khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, biên bản không tiến hành hòa giải được, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền là

ông Bùi Xuân T2 trình bày: Ngày 15/5/2017 bà N cho vợ chồng ông Nguyễn Xuân M và bà Lương Thị H1 vay số tiền 530.000.000 (năm trăm ba mươi triệu) đồng. ông M và bà H1 cam kết sẽ trả số tiền trên vào ngày 15/6/2017. Đến hẹn, ông M và bà H1 hứa hẹn do đang vướng thủ tục đầu thầu lô hàng thuốc tây nên chưa có tiền thanh toán và hứa hẹn sẽ trả đầy đủ sau đó. Đến ngày 14/02/2018, bà N cho ông M, bà H1 vay thêm 1.570.000.000 đồng để nhập khẩu lô thuốc tây, khoản vay này hai bên không làm thêm giấy nợ mà gộp chung với khoản vay ngày 15/5/2017 thành 2.100.000.000 đồng. Ngày 09/3/2018, bà N đồng ý cho ông M và bà H1 tái hạn trả số nợ 2.100.000.000 đồng vào ngày 13/3/2018. Do quen biết nên việc vay mượn bà N không thỏa thuận tiền lãi trong trường hợp quá N2 hạn thanh toán. Sau ngày 13/3/2018, khi đến hạn trả nợ, bà N nhiều lần gặp trực tiếp, điện thoại hỏi thúc trả tiền nhưng ông M, bà H1 không trả và cố tình lảng tránh không gặp mặt. Bà N khởi kiện yêu cầu ông M và bà H1 trả số tiền 2.100.000.000 đồng và tiền lãi tạm tính từ ngày 15/6/2017 đến 13/3/2019 là 248.023.300 đồng, tổng cộng là 2.348.023.300 đồng, yêu cầu trả ngay sau khi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Tuy nhiên, sau khi xem xét lại các giấy vay nợ thì thấy bà N đã đồng ý cho ông M, bà H1 tái hạn trả toàn bộ số nợ vào ngày 13/3/2018, nên số tiền lãi sẽ tính từ ngày 14/3/2018 tạm tính đến 25/6/2019 như sau:  $2.100.000.000 \times 466 \text{ ngày} \times 0.83\% : 30 \text{ ngày} = 270.746.000$  đồng. Do vậy, bà N yêu cầu ông M và bà H1 phải trả ngay một lần toàn bộ khoản nợ gồm 2.100.000.000 đồng tiền nợ gốc và tiền lãi từ 14/3/2018 đến ngày xét xử. Toàn bộ khoản tiền bà N cho ông M, bà H1 vay là tài sản riêng của bà N.

Bị đơn, ông Nguyễn Xuân M và bà Lương Thị H1 mặc dù đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập để cung cấp lời khai, thông báo và giấy triệu tập tham gia phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nhưng đều vắng mặt không có lý do và cũng không có bất cứ ý kiến gì về vụ án.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Bùi Xuân N2 trình bày: Do là chỗ quen biết và thấy vợ chồng ông M, bà H1 có kinh doanh tiệm thuốc tây nên bà N tin tưởng, nhiều lần cho ông M, bà H1 vay mượn tiền, không thỏa thuận lãi suất. Mặc dù bà N đã đồng ý cho tái hạn trả nợ vào ngày 13/3/2018 nhưng đến hạn trả tiền ông M, bà H1 không thực hiện cam kết, hứa hẹn mà không trả và sau đó lảng tránh, không gặp mặt bà N, hiện nay bà N không liên hệ được với vợ chồng ông M, bà H1. Do ông M, bà H1 vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên căn cứ vào khoản 4 Điều 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, yêu cầu tính lãi từ ngày 14/3/2018 đến ngày xét xử 25/9/2019 theo lãi suất 10%/năm là 323.036.000 đồng. Tổng cộng, số tiền nguyên đơn yêu cầu ông M và bà H1 phải trả là 2.423.036.000 đồng và yêu cầu trả một lần ngay sau khi bản án của tòa án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn, ông Nguyễn Xuân M và bà Lương Thị H1 vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do mặc dù đã được triệu tập hợp lệ.

*Đại diện viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phát biểu:*

- Việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử là đúng qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền, còn N2 hiệu khởi kiện, xác định đúng tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng, quan hệ

pháp luật tranh chấp. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

- Về nội dung: Căn cứ đơn khởi kiện, các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án là 03 giấy mượn tiền, lời trình bày của nguyên đơn thì có căn cứ xác định ông M và bà H1 có ký nhận nợ của bà N số tiền 2.100.000.000 đồng hẹn đến ngày 13/3/2018 sẽ thanh toán cho bà N. Tuy nhiên, ông M và bà H1 không thực hiện việc trả nợ như cam kết. Bà N yêu cầu ông M và bà H1 phải trả số tiền vay 2.100.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 14/3/2018 đến ngày xét xử là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên tòa, hội đồng xét xử thảo luận về những vấn đề cần giải quyết trong vụ án, ý kiến của đại diện viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1] Về pháp luật tố tụng:**

Nguyên đơn – Bà Hồ Thị N khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với bị đơn – ông Nguyễn Xuân M và bà Lương Thị H1. Theo kết quả xác M của Công an Phường 15, quận Tân Bình thì ông M và bà H1 có hộ khẩu thường trú tại 118/125/44N Phạm Văn Bạch, phường 15, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí M, đã bán nhà đi khỏi địa pH1, không rõ nơi cư trú mới. Như vậy, theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và hướng dẫn tại Điều 6 của Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Bình.

Ông Chu Văn B, trình bày tại bản tự khai nộp cho Tòa án: Vợ ông là bà Hồ Thị N có cho ông M và bà H1 vay mượn số tiền 2.100.000.000 đồng là tiền riêng của cá nhân bà N nên ông không có yêu cầu gì trong vụ án, đề nghị không đưa ông vào tham gia tố tụng. Do vậy, xét thấy không cần thiết đưa ông B vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

Bị đơn – ông Nguyễn Xuân M và bà Lương Thị H1 mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

#### **[2] Về pháp luật nội dung:**

[2.1] Về yêu cầu phải trả số tiền nợ gốc và lãi của nguyên đơn: Ông Nguyễn Xuân M và bà Lương Thị H1 không đến Tòa án để trình bày ý kiến nhưng căn cứ vào các “*giấy mượn tiền*” ngày 15/5/2017, ngày 14/02/2018 và ngày 09/3/2018 do nguyên đơn nộp, căn cứ vào trình bày của ông N2 – đại diện hợp pháp của nguyên đơn thì ngày 15/5/2017, bà N cho ông M, bà H1 vay 530.000.000 đồng hẹn đến ngày 15/6/2017 sẽ trả, nhưng sau đó không trả theo cam kết mà hứa hẹn sẽ thanh toán sau. Sau đó ngày 14/02/2018, bà N tiếp tục cho ông M và bà H1 vay thêm số tiền 1.570.000.000 đồng, khoản vay này hai bên không làm thêm giấy nợ mà gộp chung với khoản vay ngày 15/5/2017 thành 2.100.000.000 đồng. Ngày 09/3/2018, bà N đồng ý cho ông M và bà H1 tái hẹn

trả số nợ 2.100.000.000 đồng vào ngày 13/3/2018, phù hợp với nội dung tại “giấy mượn tiền” ngày 9/3/2018: “*hôm nay ngày 9-3-2018. Tên tôi là Lương Thị H1, sinh năm 1984, số chứng M 024371755 ngày cấp 06-04-2005 Nơi cấp CA TP Hồ Chí M. Địa chỉ 118/125/44N Phan Huy Ích, p.15, Tân Bình cùng chồng tôi là Nguyễn Xuân M, 1975, số chứng M 024371754 Ngày cấp 06-04-2005 Nơi cấp CATP Hồ Chí M. Nay vợ chồng tôi có mượn của chị N số tiền là 2.100.000.000 đồng, Hai tỷ một trăm triệu đồng, vợ chồng tôi hẹn chị N vào ngày 13-03-2018 sẽ thanh toán hết số tiền trên cho chị N. Nếu sai hẹn vợ chồng tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật*” Phía dưới có ghi “Người mượn tiền” và ký tên: chồng Nguyễn Xuân M, vợ Lương Thị H1. Như vậy, có căn cứ xác định ông Nguyễn Xuân M và bà Lương Thị H1 có vay mượn của bà Hồ Thị N số tiền 2.100.000.000 đồng, hẹn đến ngày 13/3/2018 sẽ thanh toán hết. Tuy nhiên, theo nguyên đơn trình bày, ông M và bà H1 không thực hiện việc trả tiền theo như cam kết tại giấy mượn tiền ngày 9/3/2018, không trả bất cứ khoản tiền nào cho bà N nên bà N yêu cầu ông M và bà H1 phải có trách nhiệm trả số tiền 2.100.000.000 đồng cho bà N là có căn cứ chấp nhận theo qui định tại điều các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về tiền lãi: Tại đơn khởi kiện, bà N yêu cầu trả tiền lãi từ ngày 15/6/2017 đối với khoản tiền 530.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 14/3/2018 đối với khoản tiền 1.570.000.000 đồng. Tuy nhiên, sau đó nguyên đơn xác định thời gian tính lãi từ ngày 14/3/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm. Hội đồng xét xử xét thấy, theo giấy mượn tiền ngày 15/5/2017 ông M và bà H1 hẹn đến 15/6/2017 sẽ trả số tiền 530.000.000 đồng nhưng không thực hiện, tuy nhiên, tại giấy mượn tiền ngày 9/3/2018, bà N đã đồng ý cho ông M và bà H1 trả số tiền 2.100.000.000 đồng (đã bao gồm số tiền 530.000.000 đồng mượn ngày 15/5/2017) vào ngày 13/3/2018. Như vậy, tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu ông M và bà H1 phải trả tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền từ ngày 14/3/2018 tạm tính đến ngày xét xử 25/9/2019 là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 4 Điều 466, khoản 2 Điều 468, khoản 1 Điều 357 Bộ luật dân sự 2015. Do các bên không thỏa thuận về lãi suất nên theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, lãi suất được xác định bằng 10%/năm của khoản tiền vay. Cụ thể như sau:  $2.100.000.000 \text{ đồng} \times 556 \text{ ngày} \times 0.83\% : 30 \text{ ngày} = 323.036.000 \text{ đồng}$ .

Như vậy, tổng số tiền gốc và lãi mà ông M và bà H1 phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà N là:  $2.100.000.000 \text{ đồng} + 323.036.000 \text{ đồng} = 2.423.036.000 \text{ đồng}$ .

[2.2] Về N2 hạn thanh toán: Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả tiền đã lâu, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn nên nguyên đơn yêu cầu phải thanh toán một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật là phù hợp nên chấp nhận.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn là ông Nguyễn Xuân M và bà Lương Thị H1 vẫn vắng mặt không có lý do, không có bất cứ ý kiến phản đối nào đối với yêu cầu của nguyên đơn. Vì vậy, ông M và bà H1 phải chịu hậu quả pháp lý đối với việc vắng mặt của mình.

[3] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, ông M và bà H1 phải liên đới chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 80.460.720 đồng.

Hoàn lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 357; Điều 463; khoản 1, 4 Điều 466; khoản 1, 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn - bà Hồ Thị N:

Buộc ông Nguyễn Xuân M và bà Lương Thị H1 có trách nhiệm liên đới trả cho bà Hồ Thị N số tiền 2.423.036.000 (hai tỷ bốn trăm hai mươi ba triệu không trăm ba mươi sáu ngàn) đồng, bao gồm nợ gốc: 2.100.000.000 (hai tỷ một trăm triệu) đồng, lãi do chậm thanh toán tạm tính đến ngày 25/9/2019 là 323.036.000 (ba trăm hai mươi ba triệu không trăm ba mươi sáu ngàn) đồng.

Phương thức và thời hạn trả: Trả một lần toàn bộ số tiền trên ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà N có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, ông M và bà H1 còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2/ Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm là 80.460.720 (tám mươi triệu bốn trăm sáu mươi ngàn bảy trăm hai mươi) đồng do ông Nguyễn Xuân M và bà Lương Thị H1 phải chịu.

Hoàn trả lại cho bà Hồ Thị N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 39.480.230 (ba mươi chín triệu bốn trăm tám mươi ngàn hai trăm ba mươi) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0038372 ngày 06/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình.

3/ Về quyền kháng cáo: Bà Hồ Thị N được quyền kháng cáo trong N2 hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Nguyễn Xuân M và bà Lương Thị H1 vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- VKSND Q.Tân Bình;
- Chi cục THADS Q.Tân Bình;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trương Lê Diễm Thúy**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA**

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- VKSND Q.Tân Bình;
- Chi cục THADS Q.Tân Bình;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trương Lê Diễm Thúy**

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- VKSND Q.Tân Bình;
- Chi cục THADS Q.Tân Bình;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trương Lê Diễm Thúy**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN CHỦ TỌA**

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- VKSND Q.Tân Bình;
- Chi cục THADS Q.Tân Bình;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trương Lê Diễm Thúy**